

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

**TCVN 10052:2013
ISO 5433:2013**

Xuất bản lần 1

DA – DA TRÂU, BÒ PHÈN XANH – CÁC YÊU CẦU

Leather – Bovine wet blue – Specification

HÀ NỘI – 2013

Lời nói đầu

TCVN 10052:2013 hoàn toàn tương đương với ISO 5433:2013.

TCVN 10052:2013 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 120 *Sản phẩm da* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Da – Da trâu, bò phèn xanh – Các yêu cầu

Leather – Bovine wet blue – Specification

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này qui định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử cho da phèn xanh được làm từ da trâu, bò và các phần của da trâu, bò thuộc đã tẩy lông và sử dụng crom sulfat kiềm là tác nhân thuộc chính.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 7117 (ISO 2418), *Da – Mẫu phòng thí nghiệm – Vị trí và nhận dạng*

TCVN 7125 (ISO 3380), *Da – Xác định nhiệt độ bền cơ*

TCVN 7127 (ISO 4045), *Da – Xác định pH*

TCVN 8831-1 (ISO 5398-1), *Da – Xác định hàm lượng crom oxit – Phần 1: Định lượng bằng phương pháp chuẩn độ*

TCVN 10048 (ISO 4684), *Da – Phép thử hóa – Xác định chất bay hơi*

ASTM D4576, *Standard test method for mold growth resistance of wet blue (Phương pháp thử chuẩn để xác định sự kháng lại sự phát triển của nấm mốc trên da phèn xanh)*

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng thuật ngữ và định nghĩa sau:

3.1

Bảo quản (cured)

Bảo vệ da tạm thời tránh thổi rửa cho đến khi da được thuộc.

CHÚ THÍCH Các phương pháp bảo quản bao gồm ướp muối khô hoặc ướt hoặc sấy khô.

TCVN 10052:2013

3.2

Sự chuyển màu (pigmentation)

Màu sắc được tạo ra bởi sự sinh trưởng của nấm trên da thuộc crom phen xanh.

CHÚ THÍCH Màu sắc được tạo ra bởi nấm sẽ thường là màu đen, trắng, xanh lá cây hoặc vàng nhưng cũng có thể là màu hồng hoặc tím.

3.3

Da bụng (belly)

Phần da bao phủ bụng và chân của con vật.

3.4

Da lưng (dosset)

Phần da lưng còn lại sau khi lấy đi da bụng.

3.5

Da vai (shoulder)

Phần da phía trước bao trùm vai và cổ, có hoặc không có đầu của con vật.

3.6

Da mông (butt)

Phần da còn lại sau khi lấy đi da bụng và da vai.

3.7

Da nửa con (side)

Một nửa con da gồm cả các phần (da đầu, da vai và da bụng) gắn vào, lấy ra bằng cách bỏ dọc theo đường xương sống.

3.8

Da thân (culatta)

Phần da phía sau của trâu, bò, bao gồm da mông, da giữa bụng và da chân sau.

3.9

Phần da đầu (front)

Phần da phía trước của da trâu, bò, bao gồm da vai và da chân trước.

4 Yêu cầu

4.1 Da nguyên liệu

Da trâu, bò phen xanh phải được xử lý từ da trâu, bò được bảo quản hoặc da trâu, bò tươi hoặc các phần của con da.

4.2 Tạo hình và cắt xén

4.2.1 Da trâu, bò phèn xanh phải là một hoặc nhiều dạng dưới đây, theo yêu cầu của người mua:

- a) cả con da;
- b) da bụng;
- c) da lưng;
- d) da vai;
- e) da mõng;
- f) da nửa con;
- g) da thân;
- h) phần da đầu.

4.2.2 Việc cắt xén phải theo thỏa thuận giữa nhà cung cấp và người mua.

4.3 Thuộc da

Sau khi thực hiện các công đoạn trước thuộc, da trâu, bò hoặc các phần của con da phải được thuộc với crom sulfat kiềm là tác nhân thuộc chính. Mặt cắt ngang của da được hóa chất thấm hoàn toàn thể hiện bằng màu xanh nhạt của crom sulfat khi kiểm tra bằng mắt thường. Thực hiện thuộc tại pH 3,0 hoặc lớn hơn.

4.4 Chất diệt nấm

Chất diệt nấm phải được sử dụng để ức chế sự phát triển của nấm mốc trên da trâu, bò phèn xanh.

CHÚ THÍCH 1 Chất diệt nấm được sử dụng để ức chế sự phát triển của nấm mốc và sự chuyển màu phải có hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến sức khỏe. Nên có thỏa thuận giữa người mua và nhà cung cấp đối với loại chất diệt nấm và liều lượng sử dụng.

CHÚ THÍCH 2 Chất diệt nấm tốt nhất là phải được sử dụng với hàm lượng phù hợp để bảo quản được đến 4 tháng ở nhiệt độ và độ ẩm thông thường trong thời gian bảo quản hoặc vận chuyển.

4.5 Ngoại quan

Da trâu, bò phèn xanh phải được nạo sạch thịt và mặt cắt phải được tẩy sạch lông, bao gồm lông ngắn và lông tơ. Kích cỡ và việc phân loại phải theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.

CHÚ THÍCH Da phèn xanh tốt nhất phải có mặt cắt chặt và không nhăn, không có các nếp gấp trũng và các vết bẩn gây ra do muối sắt. Tối thiểu 95 % số mảnh trong lô phải không có bị dây bẩn bởi các muối crom và tổng diện tích bị dây bẩn trong bất kỳ mảnh nào phải không vượt quá 10 % tổng diện tích mảnh đó.

4.6 Nhiệt độ co

Nhiệt độ co phải phù hợp với các yêu cầu cho da thuộc ít crom và da thuộc đủ crom được nêu trong Bảng 1, khi xác định bằng phương pháp được qui định trong TCVN 7125 (ISO 3380).

Bảng 1 – Nhiệt độ co

Loại da thuộc	Nhiệt độ co
Da thuộc ít crom	tối thiểu 85 °C
Da thuộc đủ crom	tối thiểu 100 °C

4.7 Yêu cầu hóa học

Da trâu, bò phén xanh phải phù hợp với các yêu cầu được nêu trong Bảng 2.

Bảng 2 – Yêu cầu hóa học

Đặc tính	Yêu cầu
Chất bay hơi, %	Theo thỏa thuận giữa các bên liên quan
pH của dịch chiết nước (tối thiểu)	3,5

CHÚ THÍCH Nhiệt độ co tối thiểu là 95 °C thường yêu cầu hàm lượng crom oxit tối thiểu là 1,0 % khối lượng khô, khi được xác định bằng phương pháp được nêu trong ISO 5398-1. Tương tự như vậy, nhiệt độ co tối thiểu là 100 °C sẽ yêu cầu hàm lượng crom oxit tối thiểu là 3,5 %.

5 Lấy mẫu

5.1 Lấy mẫu để thử thường xuyên

Số lượng mẫu và vị trí lấy mẫu phòng thí nghiệm để thử thường xuyên phải theo sự thỏa thuận giữa các bên liên quan.

5.2 Lấy mẫu trong trường hợp có tranh chấp

Số lượng mẫu được cho trong Bảng 3 và vị trí lấy mẫu phải như qui định trong TCVN 7117 (ISO 2418).

Bảng 3 – Số lượng mẫu được lấy trong trường hợp có tranh chấp

Số lượng con da	Số lượng mẫu
Ít hơn 100	3
101 đến 300	4
301 đến 500	5
501 đến 700	6
Từ 701 trở lên	7

5.3 Chuẩn bị mẫu

Mẫu được chuẩn bị bằng cách lau sạch nước còn đọng lại và bọc mẫu bằng giấy lọc trong 30 min mà không tác động thêm bất kỳ áp lực nào vào mẫu.

6 Phương pháp thử

6.1 Kiểm tra bằng mắt thường

Kiểm tra độ đồng đều của màu sắc trên bề mặt da, độ thấu của crom sulfat, độ sạch lông ngắn và độ sạch của mặt thịt da trâu, bò phèn xanh.

6.2 Nhiệt độ co

Xác định nhiệt độ co bằng phương pháp được quy định trong TCVN 7125 (ISO 3380).

6.3 Chất bay hơi

Xác định chất bay hơi bằng phương pháp được quy định trong TCVN 10048 (ISO 4684).

6.4 pH của dịch chiết nước

Xác định pH của dịch chiết nước bằng phương pháp được quy định trong TCVN 7127 (ISO 4045).

6.5 Hiệu quả của chất diệt nấm

Xác định hiệu quả của chất diệt nấm bằng phương pháp được quy định trong ASTM D4576.

7 Bao gói và ghi nhãn

7.1 Bao gói

Da trâu, bò phèn xanh phải được bao gói phù hợp theo thỏa thuận giữa các bên liên quan để bảo vệ độ ẩm ban đầu.

7.2 Ghi nhãn

Những nội dung sau đây phải được ghi trên bao gói hoặc trên nhãn gắn vào bao gói:

- loại da nguyên liệu (ví dụ da trâu, bò phèn xanh), và tên thương mại hoặc tên nhãn hàng, nếu có;
- tên và địa chỉ của nhà sản xuất;
- tháng và năm thuộc da;
- số lượng con da hoặc mảnh da;
- các chi tiết khác do người mua yêu cầu.